

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-01-2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn ”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định.

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:  
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 293/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 254/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Tr, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn H – Sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tr, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Hàn Quốc.

3. Người làm chứng: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1960. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Tr, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Phan Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/4/2005. Sau khi kết hôn anh chị chung

sống tại địa phương một thời gian và cùng đi lao động tại Nga, năm 2013 vợ chồng cùng về nước. Đến năm 2018, anh H tiếp tục đi lao động tại Hàn Quốc, thời gian đầu thỉnh thoảng vợ chồng liên lạc, sau đó thưa dần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, không tin tưởng nhau, khi chị có chủ động gọi điện hỏi thăm thì không hiểu lý do gì anh H cảm thấy khó chịu và xúc phạm chị, từ đó khiến tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Phương A, sinh ngày 31/12/2005 và Phan Phúc Chính Ngh, sinh ngày 08/11/2013. Hiện đang ở cùng với chị nên khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Chị đang làm công việc liên quan đến lĩnh vực làm đẹp và môi giới bất động sản với thu nhập bình quân 20.000.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện để nuôi con tốt.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Phan Phương A và Phan Phúc Chính Ngh đều có nguyện vọng được ở với mẹ là Nguyễn Thị L.

Bà Lê Thị H1 (mẹ đẻ anh H) trình bày: Anh H hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, gia đình bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài. Nay chị L có đơn ly hôn anh H, bà không đồng ý vì mong muốn con cái đoàn tụ cùng nuôi dạy các cháu. Gia đình bà cũng thường xuyên liên lạc với anh H qua điện thoại và đã thông báo cho anh H biết việc chị L khởi kiện ly hôn, giải quyết về con chung. Anh H không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án nhưng đã trao đổi qua điện thoại và xác định việc có đơn xin ly hôn là quyền quyết định của chị L, anh không thể níu giữ được. Về con chung: Anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị L, anh H đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn H là công dân sinh sống tại địa phương và có kết hôn hợp pháp. Địa phương được biết vợ chồng chị L bất đồng quan điểm, không thống nhất về kinh tế, không có sự tin tưởng nhau. Chị L có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị L vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), bị đơn giấu địa chỉ. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 82, 83 Luật HN&GD, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu,

miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phan Văn H; Về con chung: Giao 02 con chung là Phan Phương A, sinh ngày 31/12/2005 và Phan Phúc Chính Ngh, sinh ngày 08/11/2013 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Phan Văn H có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn Tr, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Hàn Quốc, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và gia đình anh H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài. Gia đình bà H1 vẫn thường xuyên liên lạc với anh H nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho anh H biết việc chị L đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Thời gian đầu, gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho anh H biết nội dung các văn bản tố tụng. Đối với các văn bản tố tụng sau này thì gia đình từ chối nhận, từ chối cung cấp thông tin. Do vậy, Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh H vắng mặt lần thứ hai, chị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/4/2005, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có sự tin tưởng nhau. Trong thời gian anh H đi nước ngoài, vợ chồng cũng không liên lạc và có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Thông qua gia đình, anh H biết việc chị L có đơn xin ly hôn, giải quyết về nuôi con chung, tuy nhiên anh H không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án mà chỉ liên lạc qua điện thoại với người thân, anh H xác định chị L kiên quyết xin ly hôn bản thân anh cũng không có biện pháp để cải thiện quan hệ hôn nhân. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự, đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi các đương sự sinh sống. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn H có hai con chung là Phan Phương A, sinh ngày 31/12/2005 và Phan Phúc Chính Ngh, sinh ngày 08/11/2013. Hiện đang ở với chị L. HĐXX xét thấy, anh H hiện không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Mặt khác, chị L có công việc, thu nhập và chỗ ăn ở ổn định. Để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển về mọi mặt của con chung, HĐXX chấp nhận giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con. Nếu có căn cứ cho rằng chị L không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh H có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn (nếu có) theo quy định của pháp luật và được giải quyết trong vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị L** ly hôn anh **Phan Văn H**.

2. Về quan hệ nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phan Phương A, sinh ngày 31/12/2005 và Phan Phúc Chính Ngh, sinh ngày 08/11/2013 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở anh Phan Văn H thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001715 ngày 21 tháng 10 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Phan Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhân:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Nguyễn Minh Tân**